

华语文阅读测验

Test of Chinese as a Foreign Language: Reading

入门基础级模拟试题

Band A

作答注意事项 Những điều cần chú ý khi làm bài thi:

一、这个题本一共有 50 题，考试时间为 60 分钟。

Tập đề thi này có tất cả 50 câu hỏi, thời gian làm bài thi trong khoảng 60 phút.

二、所有的答案必须写在答题卡上，写在题本上的答案将不算成绩。

Tất cả đáp án phải được viết trên phiếu trả lời, nếu viết đáp án lên tập đề thi sẽ không được tính điểm.

三、考试开始以后，不可以离开考试的教室。如果有问题的话，请举手，
监试人员会过去帮助你。

Sau khi thời gian làm bài thi bắt đầu, bạn không được rời khỏi phòng thi. Nếu có bất cứ thắc mắc gì, mời giơ tay để giám thị đến giúp bạn.

四、考试结束，请将题本和答题卡放在桌上。等监试人员收卷、清点完以后，
才可以离开。

Sau khi thời gian thi kết thúc, hãy đặt quyển đề thi và phiếu trả lời trên bàn. Đợi giám thị tới thu bài và xác nhận xong, bạn mới được rời khỏi phòng thi.

第一部分

Phần 1

(第 1 ~ 15 题)

说明：在这个部分，你会看到一个句子和(A)(B)(C)三张图片。请根据句子的意思，从三张图片中选出与句子意思相符的图片。

Hướng dẫn: Trong phần này, bạn sẽ được xem nội dung của một câu nói, và mỗi một đáp án (A)(B)(C) đều có 1 bức tranh, hãy căn cứ vào nội dung của câu nói, chọn ra một bức tranh chính xác nhất và thích hợp nhất.

例题如下 Câu mẫu :

你会看到一句话和三张图片：

Bạn sẽ được xem nội dung của một câu nói, và mỗi một đáp án (A)(B)(C) đều có 1 bức tranh.

1. 她在电影院门口等人。



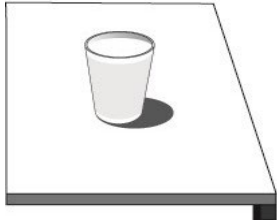
这一题的答案是(B)，请把答案涂在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (B), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

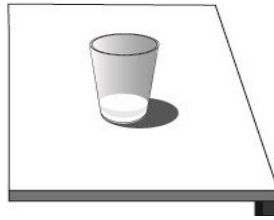
1. (A) (C)

1. 那杯牛奶被喝了一半。

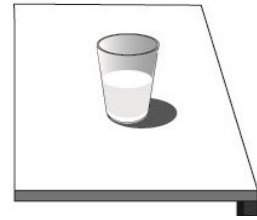
(A)



(B)



(C)



2. 我家一共三口人。

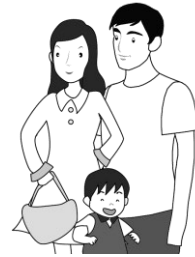
(A)



(B)



(C)



3. 树下一个礼物也没有。

(A)



(B)



(C)



4. 餐厅的楼上有洗手间。

(A)



(B)



(C)



5. 没戴眼镜的那位先生就是林明华。

(A)



(B)



(C)



6. 公车快两点才来。

(A)



(B)



(C)



7. 学生看着黑板上的句子说话。

(A)



(B)



(C)

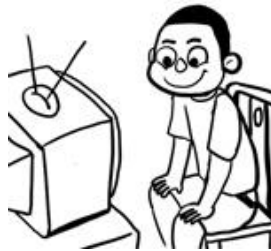


8. 弟弟喜欢用电脑玩游戏。

(A)



(B)

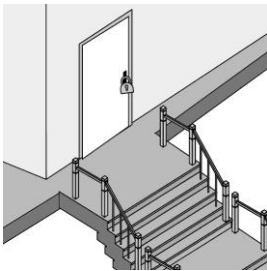


(C)

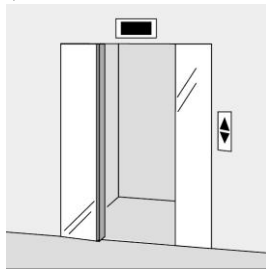


9. 楼梯上的门不知道被谁打开了。

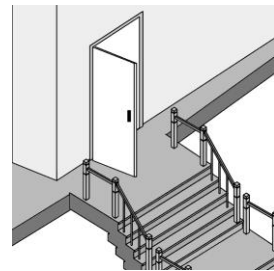
(A)



(B)



(C)



10. 大明受伤了，他现在躺在医院，不能站也不能坐。

(A)



(B)

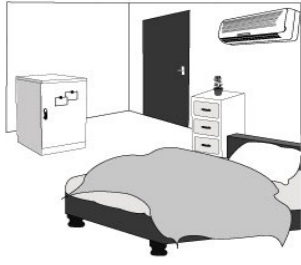


(C)

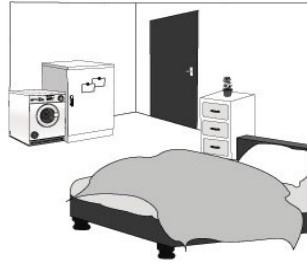


11. 哥哥在冰箱旁边放了一部洗衣机。

(A)



(B)

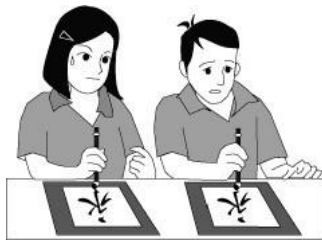


(C)



12. 弟弟不会写书法。

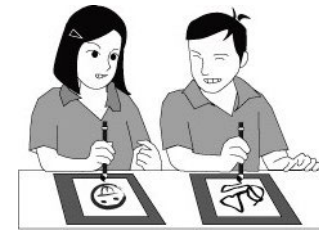
(A)



(B)



(C)



13. 因为他都把菜吃光了，所以已经吃不下了。

(A)



(B)



(C)



14. 小文喜欢一边写作业，一边吃东西。

(A)



(B)



(C)



15. 小华只有右手受伤，其他地方都没事。

(A)



(B)



(C)



第二部分 Phần 2

(第 16 ~ 30 题)

说明：在这个部分，你会看到一张图片。请根据图片，从(A)(B)(C)三个选项中选择与图片内容相符的句子。

Hướng dẫn: Trong phần này, bạn sẽ xem thấy 1 bức tranh, hãy căn cứ vào bức tranh ấy, và 3 câu đáp án (A)(B)(C), chọn ra một câu đáp án có nội dung phù hợp với nội dung của bức tranh nói trên.

例题如下 Câu mẫu：

你会看到一张图片和三个句子：

Bạn sẽ xem thấy 1 bức tranh, và 3 câu đáp án (A)(B)(C).



2.

- (A) 她正在买猪肉。
- (B) 她还没买水果。
- (C) 她已经买了菜了。

这一题的答案是(A)，请把答案涂在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (A), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

2. (B) (C)

16.



- (A) 这里是机场。
- (B) 火车到车站了。
- (C) 很多人在等车。

17.



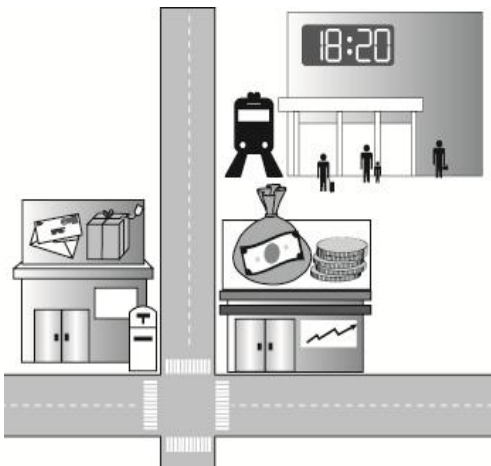
- (A) 他们换了新家具。
- (B) 他们忘了打开窗户。
- (C) 他们两个人搬不了沙发。

18.



- (A) 老师准备上课。
- (B) 学生们正在休息。
- (C) 教室里有人在说话。

19.



- (A) 邮局在银行旁边。
- (B) 银行的对面是邮局。
- (C) 车站在邮局的前面。

20.



- (A) 他们点了面和汤。
- (B) 他们觉得很伤心。
- (C) 女生坐在男生的右边。

21.




- (A) 他看不懂这本书。
- (B) 他觉得这本书很有趣。
- (C) 他看书的时候很紧张。

22.

好好吃饭馆

每天上午十一点到晚上八点
我们午餐只卖下面这些食物

牛肉饭和红茶	九十元
青菜	三十元
十颗饺子	三十五元
鸡肉饭	二十五元



- (A) 这家饭馆中午不休息。
- (B) 这家饭馆最贵的是鸡肉饭。
- (C) 这家饭馆十一点以后休息。

23.



- (A) 这家店也卖果汁。
- (B) 这位小姐买了香蕉牛奶。
- (C) 香蕉牛奶便宜了十块钱。

24.



- (A) 妹妹是十点多离开家的。
- (B) 妹妹到家的时候快十点了。
- (C) 妹妹十点的时候就要回家了。

25.

初级中文课

日期：5.1 ~ 6.14

时间：8点30分到10点30分

教室：102

放假：5.3(四)

- (A) 初级中文课每一次上三个小时。
- (B) 初级中文课在二〇一教室上课。
- (C) 这个班的学生五月三日不上课。

26.



- (A) 病人正在让医生检查。
- (B) 医生要病人试着站起来。
- (C) 护士帮忙看病人哪里受伤了。

27.

〈小华的七月计划〉

	星期一	星期二	星期三	星期四	星期五
上午	中文课		中文课	去图书馆	看病
下午	游泳	画画	打球	游泳	

- (A) 小华一星期运动四天。
- (B) 小华只有星期二下午能休息。
- (C) 小华每星期上两天的中文课。

28.

66号公车
火车站→第一博物馆

08:10
10:10
12:30
14:00
15:10

- (A) 这班公车从火车站出发。
(B) 下午五点还有车到博物馆。
(C) 66号公车每两个钟头一班。

29.

公寓出租

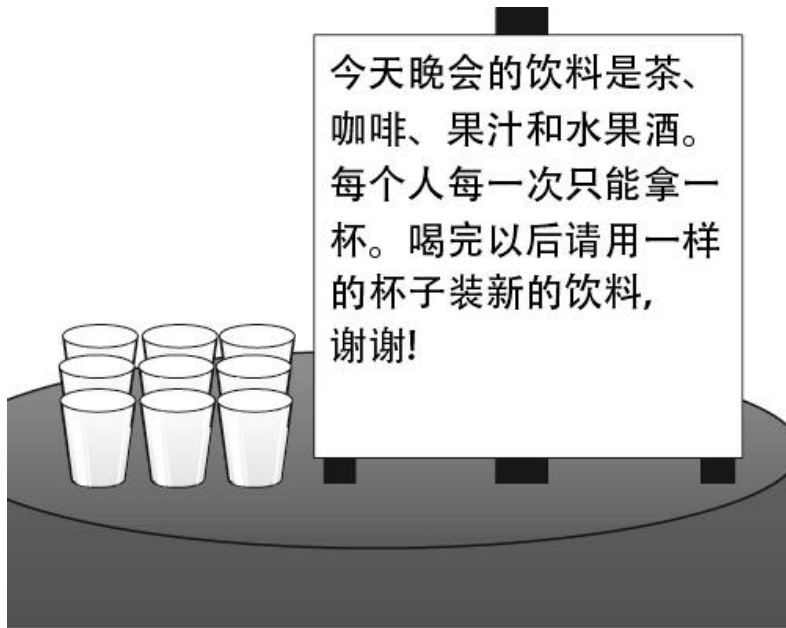
- ◎ 房租16000元
- ◎ 两房、一客厅、一浴室
- ◎ 有家具、可以上网
- ◎ 近立山小学，走路十分钟

请找王先生：
0911-234567



- (A) 这间公寓在学校附近。
(B) 公寓里面只有一个房间。
(C) 想租这间公寓的人上网找陈先生。

30.



- (A) 这个晚会的饮料有三种。
- (B) 第二次喝饮料不能用新的杯子。
- (C) 每人只能在晚会里喝一杯饮料。

第三部分 Phần 3

(第 31 ~ 40 题)

说明：在这个部分，每个题组会有一张情境图片，图片下面有五个句子，请根据图片情境，选出最合适的答案。

Hướng dẫn: Trong phần này, mỗi một chủ đề câu hỏi có một bức tranh tả tình huống, bên dưới của bức tranh có 5 câu đáp án, hãy căn cứ vào tình huống trong bức tranh trên, chọn ra một đáp án thích hợp và chính xác nhất.

例题如下 Câu mẫu :

你会看到一张图片和五个句子：

Bạn sẽ xem thấy một bức tranh tả tình huống, và 5 câu đáp án.

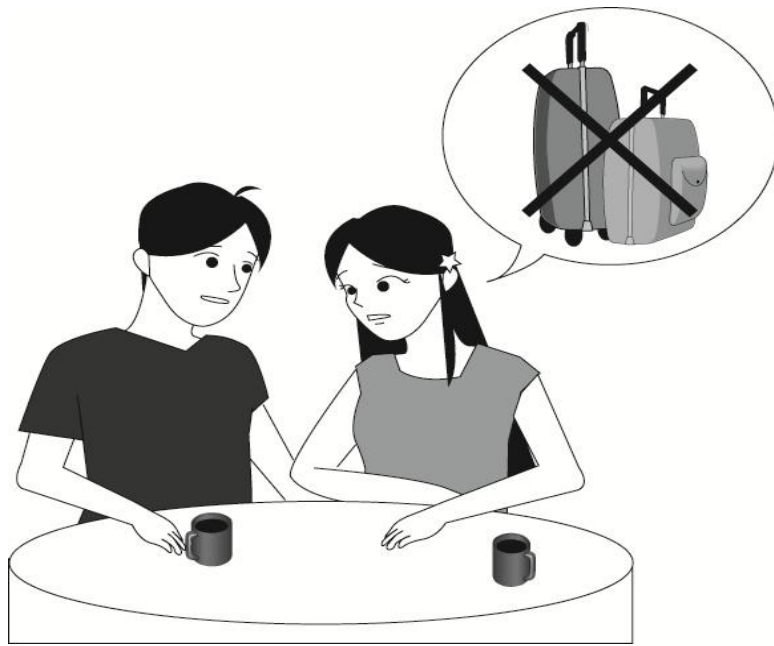


1. 张先生_____她吃法国菜。
(A)请 (B)送 (C)买
2. 他们_____喝酒。
(A)没有 (B)只有 (C)正在
3. 餐桌上有_____。
(A)筷子 (B)碗 (C)盘子
4. 这家餐厅有_____人。
(A)太少 (B)很多 (C)多少
5. 这家餐厅的菜_____好吃_____便宜。
(A)也...也...(B)越...越...(C)又...又...

第一题的答案是(A)，请把答案涂在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (A), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

1. (A) (B) (C)



31. 王小姐 _____ 旅游很有兴趣。
- (A) 跟
(B) 和
(C) 对
32. 她放假的时候 _____ 出国玩。
- (A) 多少
(B) 可能
(C) 常常
33. 她跟我说她第一次旅行时，在旅馆 _____ 丢了行李。
- (A) 做
(B) 弄
(C) 走
34. 她紧张 _____ 好几天，三天以后才找到行李。
- (A) 着
(B) 了
(C) 得
35. 从那一次开始，她旅行的时候就更 _____ 自己的东西了。
- (A) 小心
(B) 知道
(C) 认识



36. 我很喜欢到附近一家很大的 _____ 买菜。
- (A) 药房
(B) 书店
(C) 超市
37. 那里的东西不怎么便宜， _____ 比较新鲜，吃起来很放心。
- (A) 但是
(B) 或是
(C) 还是
38. 听说今天八点那里有特别活动，所以我早上六点 _____ 起床了。
- (A) 再
(B) 才
(C) 就
39. 到了那里以后，我买了好多 _____ 我爱吃的饼干和一些青菜。
- (A) 枝
(B) 包
(C) 口
40. 不过 _____ 付钱的人太多了，等的时间比买东西的时间还久。
- (A) 挂号
(B) 点菜
(C) 排队

第四部分 Phần 4

(第 41 ~ 45 题)

说明：在这个部分，你会看到一段短文，短文中有五个空格，短文下方有六个选项。请根据短文的上下文，选出最适合该空格的答案。注意，一个选项只能用一次。

Hướng dẫn: Trong phần này, bạn sẽ xem thấy có 1 đoạn văn, trong đoạn văn có 5 ô trống, bên dưới của đoạn văn có 6 câu đáp án. Hãy căn cứ vào nội dung của đoạn văn, chọn ra đáp án phù hợp cho từng ô trống của đoạn văn. **Chú ý :** một đáp án chỉ được chọn một lần.

例题如下 Câu mẫu :

你会看到一段短文和六个选项：

Bạn sẽ xem thấy có 1 đoạn văn, và 6 câu đáp án.

我的室友跟我一样大， ____ (1) ____ 。因为我們都很喜欢旅行，所以去年我們 ____ (2) ____ 。那里的天气不冷也不热， ____ (3) ____ 。旅行的时候，我们看到很多漂亮的花朵，照了 ____ (4) ____ ，玩得很开心。暑假快到了，我们正在想 ____ (5) ____ ！

(A)	可是常常下雪
(B)	都是二十岁
(C)	很多照片
(D)	也不常下雨
(E)	这次要去哪里玩
(F)	一起去欧洲玩

第一题的答案是(B)，请把答案涂在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (B), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

1. (A) (C) (D) (E) (F)

林一正的孩子快要出生了，他觉得现在的家太小了，所以他在自己的公司附近 (41) 。那里有很多商店，而且离房子走路五分钟的地方， (42) 。房子对面还有一个小公园，以后他和太太 (43) ，虽然那里的房子很贵，让 (44) ，但是林一正觉得没关系，因为 (45) ，林一正相信太太一定也很喜欢这间房子。

- (A) 买了一间房子
- (B) 就有一家大医院
- (C) 林一正没花多少钱
- (D) 林一正花了不少钱
- (E) 那里的生活很方便
- (F) 可以常常带孩子到公园玩

第五部分 Phần 5

(第 46 ~ 50 题)

说明：在这个部分，你会看到几篇短文，每一篇短文后面都有一个问题，请根据短文的内容回答问题。

Hướng dẫn: Bạn sẽ nhìn thấy một số đoạn văn trong phần này, sau mỗi đoạn văn sẽ có 1 câu hỏi, hãy căn cứ theo nội dung của đoạn văn để trả lời câu hỏi.

例题如下 Câu mẫu :

你会看到一段短文、一个问题和四个选项：

Bạn sẽ nhìn thấy 1 đoạn văn ngắn, 1 câu hỏi cùng với 4 phương án trả lời.

每天我要到许多地方去，也会遇到很多人。有些人喜欢叫我「左转」、「右转」、「停」；有些人会把脏东西留在我的车上。不过也有一些不错的人，可以从他们身上学到很多东西，所以我也交了好几个朋友。真是什么样的人都有啊！

5. 写文章的人可能是做什么工作的？

- (A) 教书
- (B) 卖汽车
- (C) 开计程车
- (D) 打扫房子

第五题的答案是(C)，请把答案涂在答案卡上。

Đáp án của câu hỏi 5 là (C), hãy tô đen đáp án đó trên phiếu trả lời.

5. (A) (B) ● (D)

(一)

明丽的朋友都觉得明丽总是开心地过生活，大家从来没有看过她伤心或生气。有一次，我问她是怎么办到的，她回答我：「每天一早醒来，我都有两个选择，可以选择坏心情，讨厌自己的生活；也可以选择好心情，喜爱自己的生活。如果是你，不会选第二个吗？」

46. 明丽最后要说的意思是什么？

- (A) 想太多事情对自己没用
- (B) 心情好坏可以自己决定
- (C) 早睡早起的人一定快乐
- (D) 生活进步的方法有很多

(二)

你怎么处理那些已经不再看的书呢？直接丢掉？送给别人？还是卖给书店？现代网路的进步，使卖书变得更容易。于是有些人就利用网路开店卖旧书，把赚来的钱分给需要的人，有时也将旧书送到乡下或山里的学校，这样的话，不但可以保护环境，还可以让更多的人有机会读书。

47. 这篇文章在谈什么？

- (A) 用家中旧书换新书的方法
- (B) 上网看书才不会用太多纸
- (C) 学会卖书可以赚更多的钱
- (D) 把不要的书变成有用的书

(三)

顺文歌唱得很好，上个月，她参加了一个唱歌比赛，为了能把歌唱好，她每天都练习五个小时，非常辛苦。没想到，就在比赛开始的前一天，顺文不小心感冒了，大家都非常担心这会对她有不好的影响。结果，比赛的成绩真的不太好。但顺文却一点也不难过，她告诉我们，能参加比赛就已经很幸福了，比赛让她学到很多。

48. 从参加比赛到比赛结束，顺文是怎么想的？

- (A) 她只想拿第一名
- (B) 这是一次很好的经验
- (C) 成绩不好都是因为生病
- (D) 为了比赛，健康已经不重要

(四)

一天工作八小时，有的人觉得刚刚好，有的人觉得不够用，会出现这样的不同，我觉得是因为没有好好安排时间的关系。下面两点建议可以给大家参考：第一，试试看申请两个手机号码，一个只用在工作上，另一个用来联系家人或朋友，上班时间只接工作用的电话。第二，每天进办公室或下班以前，可以留半小时到一小时，收、寄电子邮件，这样的话，就不会因为经常得花时间写邮件，影响了自己的工作。

49. 作者觉得，为什么有人会觉得上班时间不够？

- (A) 他们太喜欢找家人、朋友聊天儿
- (B) 他们常常忘了回重要的电子邮件
- (C) 他们可能经常工作到一半就得停下来
- (D) 他们不太常注意自己上、下班的时间

(五)

上周，校长邀请了一位大公司的老板到学校来，跟同学们谈一谈他的成功经验，讲完以后，还让同学们问问题。因为那位老板讲得太好，同学们的问题一个接着一个，大家最想知道的就是：要怎么做才能快一点儿成功？我本来以为，大老板会教大家一些实际的方法，但他却告诉我们：「做好现在应该做的，你们就已经成功了」。

50. 老板听了同学们最想问的问题以后，他怎么回答？

- (A) 好好学习就可以了
- (B) 必须像他一样努力才行
- (C) 要知道什么事情不应该做
- (D) 得学会马上听懂老板说的话